

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 30/8/2017.

V/v tranh chấp: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY - TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Vĩnh Hữu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Châu Tiếp.

Bà Phạm Thị Phụng.

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thị Kim Thoa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Liễu, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 224/2017/TLST-HNGĐ ngày 26/6/2017 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2017/QĐXX-ST ngày 10/8/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Trần Thị N, sinh năm 1985; (có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã P, thị xã Q, tỉnh Tiền Giang;

Tạm trú: ấp M, xã P, huyện Q, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Lê Văn K, sinh năm 1988; (có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã P, thị xã Q, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Đặng Thị X, sinh năm 1963; (có văn bản xin vắng mặt)

Trần Văn V, sinh năm 1985; (có văn bản xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp M, xã P, huyện Q, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Trần Thị N trình bày: Giữa chị N và anh Lê Văn K kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn ngày 12/9/2014 tại Ủy ban nhân dân xã P, thị xã Q, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, trong quá trình chung sống đến đầu năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thỏa thuận được gì với nhau. Chị N và anh K đã sống ly thân từ tháng 4/2017 cho đến thời điểm hiện tại năm 2017, cuộc sống vợ chồng tự ai nấy lo, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Chị N yêu cầu được ly hôn anh K.

Về con chung: Có 01 con chung Lê Hoàng Minh T, sinh ngày 26/10/2014, hiện nay con chung đang sống cùng anh Lê Văn K, khi ly hôn chị N yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi và lao động được. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung: Có 01 chiếc xe Sirius biển số 63B2 -56679 do anh Lê Văn K đứng tên và đang quản lý sử dụng, trị giá chiếc xe là 15.000.000 đồng; 01 con bò mẹ trị giá khoảng 13.000.000 đồng, 01 con bò cái (bò tơ), trị giá khoảng 15.000.000 đồng và một con bò con, trị giá 10.000.000 đồng, chị yêu cầu được nhận chiếc xe và một con bò con có tổng trị giá là 25.000.000 đồng.

Về nợ chung: Nợ bà Đặng Thị X số tiền 10.000.000 đồng và 06 chỉ vàng 18kr và 02 chỉ vàng 24kr. Anh K có mượn anh Trần Văn V anh 01 điện thoại hiệu Sony Xperia C4 Dual, trị giá 8.000.000 đồng. Chị Trần Thị N đồng ý trả 5.000.000 đồng, 03 chỉ vàng 18kr, 01 chỉ vàng 24kr cho bà X, số tiền 4.000.000 đồng tiền nợ anh V. Anh K trả 5.000.000 đồng, 03 chỉ vàng 18kr, 01 chỉ vàng 24kr cho bà X, trả số tiền 4.000.000 đồng tiền nợ anh V.

Về tài sản chung, nợ chung chị N yêu cầu được rút lại phần này, sau này có điều kiện chị N sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

Bị đơn Lê Văn K trình bày: Thống nhất cùng lời trình bày của chị N về thời gian kết hôn, mâu thuẫn gia đình như biên bản hòa giải ngày 21/7/2017. Anh K đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Về con chung: Thống nhất cùng lời trình bày của chị N về con chung Lê Hoàng Minh T, sinh ngày 26/10/2014 như biên bản hòa giải ngày 21/7/2017. Hiện nay con chung đang sống cùng anh Lê Văn K, anh K yêu cầu tiếp tục được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung: Anh K không có nợ bà Đặng Thị X số tiền 10.000.000 đồng và 06 chỉ vàng 18kr và 02 chỉ vàng 24kr và không có mượn anh Trần Văn V anh 01 điện thoại hiệu Sony Xperia C4 Dual, trị giá 8.000.000 đồng như lời trình bày của chị N tại biên bản hòa giải ngày 21/7/2017 nên không đồng ý theo yêu cầu này của chị N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Đặng Thị X trình bày: Vợ chồng Trần Thị N và Lê Văn K có nợ bà số tiền 10.000.000 đồng và 06 chỉ vàng 18kr và 02 chỉ vàng 24kr. Bà X sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác và xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Trần Văn V trình bày: Anh Lê Văn K có mượn anh 01 điện thoại hiệu Sony Xperia C4 Dual, trị giá 8.000.000 đồng. Anh V sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác và xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, chị Trần Thị N rút một phần yêu cầu khởi kiện: Chị N yêu cầu được ly hôn anh Lê Văn K và yêu cầu được nuôi con chung, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với tài sản chung, nợ chung, chị N yêu cầu được rút lại yêu cầu này.

Tại phiên tòa, anh Lê Văn K đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N. Yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Bà Đặng Thị X, anh Trần Văn V có văn bản yêu cầu vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự. Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N về quan hệ hôn nhân và nuôi con chung. Chị N phải chịu án phí hôn nhân theo quy định. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung của chị Trần Thị N và hoàn lại án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp “*Ly hôn*” được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Xét trong quá trình thụ lý vụ án, hòa giải và chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Đặng Thị X, anh Trần Văn V theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự, bà X, anh V có văn bản yêu cầu vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân Sự xét xử vắng mặt bà X, anh V.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N yêu cầu được ly hôn anh Lê Văn K, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Trần Thị N và anh Lê Văn K kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn ngày 12/9/2014 tại Ủy ban nhân dân xã P, thị xã Q, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, trong quá trình chung sống đến đầu năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thỏa thuận được gì với nhau. Chị N và anh K đã sống ly thân từ tháng 4/2017 cho đến thời điểm hiện tại năm 2017, cuộc sống vợ chồng tự ai nấy lo, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau;

Tại phiên Tòa, anh K thừa nhận mâu thuẫn gia đình như lời trình bày của chị N, hiện tại giữa anh K và chị N đã sống ly thân nên không còn tình cảm và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống vợ chồng giữa chị N và anh K không còn hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, chị N, anh K thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh Lê Văn K.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N về quyền được nuôi con chung và anh K không phải cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Giữa chị Trần Thị N và anh Lê Văn K 01 con chung Lê Hoàng Minh T, sinh ngày 26/10/2014, hiện nay con chung đang sống cùng anh Lê Văn K;

Chị N cho rằng chị có đủ điều kiện để nuôi con chung, tại thời điểm hiện nay chị N đang sống chung cùng cha mẹ ruột, thu nhập theo lao động phổ thông, con dưới 36 tháng tuổi và chị N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Chị N yêu cầu được nuôi con chung, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con;

Anh K cho rằng anh có đủ điều kiện để nuôi con chung, tại thời điểm hiện nay anh K đang sống cùng cha mẹ ruột, thu nhập theo lao động phổ thông. Từ khi anh K và chị N sống ly thân anh K là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến thời điểm hiện tại thì chị N là người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Anh K yêu cầu được nuôi con chung, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con;

Vì thế Hội đồng xét xử nhận thấy để đảm bảo cuộc sống ổn định của con chung không bị thay đổi liên tục môi trường nuôi dưỡng sẽ làm ảnh hưởng đến sự phát triển của trẻ em, hiện tại con chung dưới 36 tháng tuổi và chị N là người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho nên tiếp tục giao con chung Lê Hoàng Minh T, sinh ngày 26/10/2014 cho chị Trần Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung;

Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của anh K.

Về tài sản chung, nợ chung: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị N rút một phần yêu cầu khởi kiện về tài sản chung, nợ chung việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị N là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, căn cứ vào Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên cần đình chỉ đối với yêu cầu này của chị N và chị N được quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác nếu có yêu cầu.

Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N về quan hệ hôn nhân, con chung và phải chịu án phí hôn nhân theo quy định. LỜI ĐỀ NGHỊ CỦA ĐẠI DIỆN VIỆN KIỂM SÁT LÀ CÓ CĂN CỨ NÊN CHẤP NHẬN.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 55, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ các điều 92, 147, 220, 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân Sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh Lê Văn K.

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung Lê Hoàng Minh T, sinh ngày 26/10/2014 cho chị Trần Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng;

Anh Lê Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con;

Anh Lê Văn K được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000907 ngày 26/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Q, tỉnh Tiền Giang.

Hoàn lại chị Trần Thị N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị N đã nộp là 625.000 (sáu trăm, hai mươi lăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0000908 ngày 26/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Q, tỉnh Tiền Giang.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm; Đối với bà Đặng Thị X, anh Trần Văn V vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

TAND tỉnh Tiền Giang;

VKSND thị xã Q;

Chi cục THADS thị xã Q;

Các đương sự;

UBND xã

Lưu: HS, AV

Trương Vĩnh Hữu